TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH VĨNH LONG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2018/DS-PT
Ngày: 31 – 8- 2018
V/v: *"* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2017/TLPT-DS ngày 05/7/2018 về việc:" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST, ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2018/QĐ-PT ngày 27/7/2018 giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần A** (Sau đây gọi tắt là ngân hàng A).

Địa chỉ: Đường N, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh T**. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Thị Sương M – Giám đốc theo văn bản ủy quyền số 4908/QĐ-PC.12 ngày 13/9/2012 của Tổng giám đốc, QĐ tái bổ nhiệm nhân sự số 299/TCQĐ-QTNNL.18 ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bà Lê Thị Sương M ủy quyền cho ông **Mai Nhật D**. Chuyên viên xử lý nợ - ngân hàng A chi nhánh V làm đại diện.

2. *Bị đơn*:

2.1/ Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1964.

2.2/ Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1964 (vắng).

Cùng địa chỉ: Đường Nguyễn Văn L, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người kháng cáo*:

Ngân hàng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ngân hàng A trình bày: ngân hàng A có cấp tín dụng cho bà Trần Thị C và ông Lê Văn T hợp đồng hạn mức tín dụng số: VIL.CN.03.041214 ngày 08/12/2014, hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số: VIL.CN.04.04.12.2014 ngày 08/12/2014 và được giải ngân bằng khế ước nhận nợ số: VIL.CN.04.04/12/2014/01 (số TK: 190339619) ngày 08/12/2014, chi tiết cụ thể như sau: Tổng mức cấp tín dụng 150.000.000 đ, số tiền giải ngân 150.000.000 đ, thời hạn vay là 84 tháng (từ ngày 08/12/2014 đến 08/12/2021), phương thức cho vay từng lần, mục đích vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng sinh hoặt gia đình, sửa chữa nhỏ nhà ở và mua vật dụng gia đình, lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay vốn bà C, ông Tvi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó ngày 30/3/2017 ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 29/4/2017 ngân hàng A chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của hợp đồng hạn mức tín dụng số: VIL.CN.03.041214 ngày 08/12/2014, hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số: VIL.CN.04.04.12.2014 ngày 08/12/2014 và được giải ngân bằng khế ước nhận nợ số: VIL.CN.04.04/12/2014/01 (số TK: 190339619) ngày 08/12/2014 sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 01/8/2017 bà C, ông T còn nợ ngân hàng A khoản tiền gốc là 117.852.000 đ, lãi trong hạn 12.647.180 đ, lãi quá hạn là 5.492.885, lãi phạt chậm trả 461.170 đ. Tổng cộng là: 136.453. 235 đ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 04, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.499,6 m^2, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm F, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do ông T, bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tính đến ngày xét xử 22/5/2018, phía bà C, ông T còn nợ ngân hàng: Vốn gốc 117.852.000 đ, lãi suất trong hạn 12.647.180 đ, lãi quá hạn 22.672.761 đ, lãi quá hạn trên từng kỳ trả nợ 461.170 đ. Tổng cộng là: 153.633.110 đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST, ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V đã xử;

Áp dụng Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 và 716, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tính dụng năm 2010. Điều 26, 35, 39, 147 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

Chấp nhận một phần yêu cầu của ngân hàng TMCP A buộc bà C, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng A số tiền nợ vay còn thiếu lãi, vốn đến ngày 22/5/2018 là 153.633.110 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo mức lãi suất quá hạn do hai bên thoả thuận trong 02 hợp đồng tín dụng ký ngày 08/12/2014 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà C, ông T không có khả năng trả nợ thì giao tài sản thế chấp thửa QSDĐ thửa số 4, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.499,6m^2, đất trồng cây lâu năm, địa chỉ khu đất khóm F, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cho cơ quan thi hành án phát mãi thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/6/2018 và ngày 06/6/2018 Ngân hàng A có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung, bản án sơ thẩm có nội dung kháng cáo một phần án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết, nếu bà C, ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Chi Cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 4, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.499,6m^2 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà C và ông T .

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Mai Nhật D đại diện theo Uỷ quyền của Ngân hàng A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Trần Thị C không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng A. Bà Chánh thừa nhận có vay tiền và còn nợ Ngân hàng A như lời trình bày của anh Phạm Nhật Anh, nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi thực hiện xong hợp đồng tính dụng đã ký kết với Ngân hàng. Ông Lê Văn Tvắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký: từ khi thụ vụ án tới thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán chủ toạ phiên toà, thư ký Toà án và các Thẩm phán tham gia phiên toà đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đối với đương sự: Từ khi Toà án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các qui định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của Ngân hàng A là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Ngày 08/12/2014, Ngân hàng có cấp tín dụng cho bà Trần Thị C và ông Lê Văn T hợp đồng hạn mức tín dụng và hợp đồng tín dụng trung - dài hạn với số tiền vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 08/12/2014 đến ngày 08/12/2021, mục đích để tiêu dùng, mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình và sửa chữa nhỏ nhà ở, lãi suất vay 11%/ năm. Hai bên có thỏa thuận ký Khế ước nhận nợ cùng ngày và có thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 4 diện tích 1.499,6m^2 loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm F, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình vay vốn ông T, bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 29/4/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/5/2018 bà C, ông T còn nợ các khoản: vốn gốc 117.852.000 đồng, lãi trong hạn 12.647.180 đồng, lãi quá hạn 22.672.761 đồng, lãi quá hạn trên từng kỳ trả nợ 461.170 đồng, tổng cộng vốn và lãi bằng 153.633.111đ, nên Ngân hàng yêu cầu bà C, ông T liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 153.633.110đ và còn phải trả tiếp tục trả lãi và gốc phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

Đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 4 diện tích 1.499,6m^2 loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm F, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thế chấp số VIL.CN.04.041214 ngày 08/12/2014, trong trường hợp bà C, ông T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Riêng đối với căn nhà gắn liền trên thửa số 4, trong hợp đồng thế chấp ngày 08/12/2014 không được đề cập đến nên việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản trên đất bao gồm cả căn nhà của bà C, ông T là không có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân A, Giữ nguyên án sơ thẩm. Ngân hàng A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 22/5/2018, ngày 05; 06/5/2018 Ngân hàng A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định, nên Tòa án phúc thẩm thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét ông Lê Văn Tđã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Ttheo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của Ngân hàng A là có căn cứ để chấp nhận; Bởi lẽ; Ngày 08/12/2018 ông Lê Văn T và bà Trần Thị Có vay của Ngân hàng A số tiền là 150.000.000đ với lãi suất trong hạn là 11%/ năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trọng hạn theo hợp đồng hạn mức tín dụng ngày 08/12/2014, hợp đồng tín dụng trung – dài hạn ngày 08/12/2014 và ông T và bà C có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 04, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.499,6 m^2, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm F, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do ông T, bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà Cvi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng, nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông T và bà Ctrả lãi và gốc vay cho Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà C thừa nhận ông T và bà có vay tiền tại Ngân hàng A 150.000.000đ và có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 04, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.499,6 m^2, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm F, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông T và bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng A số tiền nợ vay còn thiếu lãi, vốn đến ngày 22/5/2018 là 153.633.110 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo mức lãi suất quá hạn do hai bên thoả thuận trong 02 hợp đồng tín dụng ký ngày 08/12/2014 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà C, ông T không có khả năng trả nợ thì giao tài sản thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 4, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.499,6m^2, đất trồng cây lâu năm, địa chỉ khu đất khóm F, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cho cơ quan thi hành án phát mãi thi hành án là có căn cứ.

[4] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số VIL BDCN N.01.041214 ngày 08/12/2014: Theo hợp đồng thế chấp thì ông T và bà Chchỉ thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất không thế chấp. Theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm thì Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Phần đất ông T và bà C thế chấp tại Ngân hàng A thì gắn liền trên đất là căn nhà của ông Tvà bà C. Do đó trong trường hợp ông T và bà C không trả nợ vay cho Ngân hàng thì khi phát mãi tài sản là xử lý luôn căn nhà trên đất để thi hành án, nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản gắn liền trên đất để thi hành án là chưa đủ căn cứ. Mặt khác sau khi xét xử sơ thẩm, bà Chánh cũng đã cam kết để cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền trên đất để đảm bảo cho việc thu hồi nợ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A, sữa bản án sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm để giải quyết là không phù hợp, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Do sửa án sơ thẩm, nên Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là chưa có căn cứ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST, ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Áp dụng Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 và 716 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tính dụng năm 2010. Điều 26, 35, 39, 147 và 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2, 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1/ Chấp nhận yêu cầu của ngân hàng A buộc bà Trần Thị C và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả ngân hàng A số tiền nợ vay còn thiếu lãi, vốn đến ngày 22/5/2018 là vốn gốc 117.852.000đ, lãi 35.781.110đ. Tổng cộng vốn và lãi là: 153.633.110đ (một trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi ba ngàn, một trăm mười đồng) và tiếp tục phải trả lãi từ ngày 23/5/2018 trên số tiền dư nợ gốc cho đến khi thực hiên xong 02 hợp đồng tín dụng ký ngày 08/12/2014.

Trường hợp bà Trần Thị C, ông Lê Văn T không có khả năng trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 4, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.499,6m^2, đất trồng cây lâu năm, địa chỉ khu đất khóm F, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh

Long theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm để đảm bảo cho việc thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn Tvà bà Trần Thị Cphải nộp 7.681.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng A 3.411.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0003102 ngày 08/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

3/ Về án phí phúc thẩm: Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Ngân hàng A 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003377 ngày 13/6/2018 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- TNV: 01b;
- VKSND T Vĩnh Long: 02b;
- TAND TP V: 01b;
- VKSND TP V: 01b;
-CCTHADS TP V:01b;
- Các đương sự: 03b;
- Lưu: 04b./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc